

Bản án số: 120/2025/DS-ST
Ngày: 14/9/2025
“ *V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phương Văn Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Út Hậu.

2. Bà Bùi Thanh Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Anh – Thư ký tòa án.

Trong ngày 14 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2025/TLST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 226/2025/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 134/2025/QĐST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A.

Địa chỉ: Số X, phường Võ Thị Sáu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh (nay là Số X, phường Xuân Hòa, thành phố Hồ Chí Minh).

Đại diện theo pháp luật bà **Nguyễn Đ Thạch D** – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Phi C** (có mặt).

Địa chỉ: Số B, thị trấn Thới Lai, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ (nay là Số B, xã Thới Lai, thành phố Cần Thơ).

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Thành Đ**, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu vực AB, phường Thới Hòa, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ (nay là Khu vực AB, phường Ô Môn, thành phố Cần Thơ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/10/2024 và quá trình giải quyết, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A (có ông Nguyễn Phi C đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Ngày 17/02/2023 ông Nguyễn Thành Đ có ký với Ngân hàng thương mại cổ

phần A – Phòng giao dịch Ô Môn (sacombank) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (Bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bảng điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng), căn cứ thu nhập của ông Nguyễn Thanh Đ, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng 80.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng ông Đ đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 72.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Đ đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 19.720.800 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Đ vẫn không thiện chí trả nợ. Do ông Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 10/11/2023 ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ số dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 11/10/2024 ông Nguyễn Thành Đ còn nợ các khoản sau: Nợ gốc 56.633.456 đồng, lãi quá hạn 29.136.528 đồng. Tổng cộng 85.769.984 đồng.

Do đó, ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những nội dung sau:

Buộc ông Nguyễn Thành Đ phải trả cho ngân hàng tính đến ngày 11/10/2024 là 85.769.984 đồng. Trong đó: Nợ gốc 56.633.456 đồng; lãi quá hạn: 29.136.528 đồng.

Buộc ông Nguyễn Thành Đ phải trả cho ngân hàng tiền lãi suất phát sinh từ ngày 12/10/2024 cho đến khi trả dứt nợ theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt, thông báo, niêm yết các Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập đương sự hợp lệ đối với bị đơn ông Nguyễn Thành Đ để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng ông Nguyễn Thành Đ vắng mặt nhiều lần không có lý do. Do đó, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được nên Tòa án chỉ tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 207, Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự và vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa, đại diện ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Thành Đ thanh toán tổng số tiền tính đến ngày 14/9/2025 là 111.851.876 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 56.633.456 đồng; Nợ lãi quá hạn: 55.218.420 đồng.

Bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện, nguyên đơn và bị đơn có giao kết hợp đồng tín dụng, sau đó phát sinh tranh chấp nên nguyên đơn khởi kiện. Do đó, quan hệ pháp luật dân sự được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không rõ lý do nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu của nguyên đơn: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần A yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Thành Đ trả tiền nợ vay theo hình thức cấp thẻ tín dụng cho ông Nguyễn Thành Đ với số tiền hạn mức thẻ là 80.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 3 và Điều 23 của Điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng), ngày 10/11/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Theo các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp nhằm chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ là hợp pháp: Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân, điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng đã được các bên tự nguyện giao kết với nhau, có công chứng, chứng thực về nội dung và hình thức của hợp đồng thỏa mãn các điều kiện được quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự năm 2015 nên các bên có nghĩa vụ phải thực hiện. Hợp đồng tín dụng được các bên xác lập và ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có hình thức và nội dung phù hợp với các quy định của pháp luật tại khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên có hiệu lực pháp luật và các bên phải có nghĩa vụ thực hiện theo đúng cam kết. Trong quá trình vay vốn, ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng nên Ngân hàng Thương mại cổ phần A yêu cầu trả tổng số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng.

Như vậy, đây là cơ sở khẳng định giữa nguyên đơn và bị đơn có thiết lập giao dịch dân sự về hợp đồng tín dụng và hợp đồng cấp thẻ tín dụng là sự thật.

Tính đến ngày 14/9/2025 ông Đ còn nợ ngân hàng Sacombank tổng số tiền là 111.851.876 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 56.633.456 đồng; Nợ lãi quá hạn: 55.218.420 đồng.

Từ những phân tích trên, thấy rằng: Lời khai của nguyên đơn phù hợp với nội dung chứng cứ phân tích, điều này hoàn toàn phù hợp với thực tế giao dịch. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch đối với nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 117 Bộ luật dân sự năm;

- Điều 90; Điều 91; Điều 94 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Thành Đ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền là 111.851.876 đồng (*Một trăm mười một triệu tám trăm năm mươi một nghìn tám trăm bảy mươi sáu đồng*). Trong đó: Nợ gốc: 56.633.456 đồng (*Năm mươi sáu triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm năm mươi sáu đồng*); Nợ lãi quá hạn: 55.218.420 đồng (*Năm mươi lăm triệu hai trăm mười tám nghìn bốn trăm hai mươi đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 15/9/2025), Ông Nguyễn Thành Đ còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải nộp số tiền 5.592.500 đồng (*Năm triệu năm trăm chín mươi hai nghìn năm trăm đồng*) tại Phòng Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí, lệ phí 2.145.000 đồng (*Hai triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004970 ngày 31/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 – Cần Thơ).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Út Hậu Bùi Thanh Hà

Phương Văn Chính

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND KV2 – Cần Thơ;
- Phòng THADS KV2 – Cần Thơ;
- TAND TP. Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phương Văn Chính